TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NP** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 10 - 2019
"V/v Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NP, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vàng Thị Dua.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thùng Văn Liên và ông Nguyễn Văn Tiếp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019; V/v Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vàng Thị P ; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Bản V, xã B, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Thào A T; Sinh năm: 1978

Địa chỉ: Bản V, xã B, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự (Có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vàng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị P và anh Thào A T chung sống như vợ chồng năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn. Trước đó anh T đã có một đời vợ và có 02 con chung với vợ trước. Hai anh chị chung sống hòa thuận với nhau đến tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên đã sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị P không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa nên chị P xin ly hôn với anh Thào A T.

Về con chung: Không có con chung.
Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 9 năm 2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện NP, bị đơn Thào A T khai như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh T và chị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 do tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai anh chị chung sống hòa thuận với nhau đến tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên đã sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị P có đơn khởi kiện ly hôn với anh T, về tình cảm vợ chồng với chị P không còn gì nữa nên anh T đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Không có con chung.
Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên không công nhận vợ chồng giữa chị Vàng Thị P và anh Thào A T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn chị Vàng Thị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là anh Thào A T. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Thào A T có hộ khẩu thường trú tại bản V, xã B, huyện NP, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NP. Tại phiên tòa, chị P và anh T đều có đơn xin xử vắng mặt, có xác nhận của chính quyền địa phương; Hội đồng xét xử thấy việc các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị P và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"*. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình " *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…".* Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh T.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không cần đề cập xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Nguyên đơn chị Vàng Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính Phủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

***[1] Về quan hệ hôn nhân*:**

Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị P và anh Thào A T.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[3] **Về án phí:***

Nguyên đơn chị Vàng Thị P được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**